Trường TH& THCS Hiền Hào

Tổ: THCS

GV: Hà Quang Ái

**Bài 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH**

**Môn: Ngữ văn 7**

**Số tiết:** 15 tiết

**TIẾT 99,100: TRI THỨC NGỮ VĂN**

**BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

**(Đa-ni-en Gốt-li-ép)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Chủ đề Trải nghiệm để trưởng thành

- Nhận thấy được bài học ông giành cho cháu trên con đường tìm lối đi của cuộc đời mình

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới

**b) Nội dung:** Giáo viên cho học sinh tham gia trò chơi

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và thái độ khi tham gia trò chơi

**d) Tổ chức thực hiện:** 7knttf**nguyễn Nhâm 0981813891**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS 578** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Cách 1: GV phát phiếu hỏi: (Thầy cô có thể thay thế bằng những câu hỏi phù hợp với đối tượng hs của mình)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Câu hỏi*** | ***Đã từng*** | ***Chưa bao giờ*** | | *Bạn đã bao giờ bị trận đòn nào từ ba mẹ chưa?* |  |  | | *Bạn đã bao giờ làm một việc tốt chưa?* |  |  | | *Bạn đã bao giờ nói dối chưa?* |  |  | | *Bạn từng đi du lịch đến nơi khác chưa?* |  |  | | *Bạn đã bao giờ gây ra lỗi lầm nhưng không dám thừa nhận chưa?* |  |  | | *Bạn đã bao giờ làm tổn thương ai đó chưa?* |  |  | | *Bạn đã bao giờ dám bày tỏ ý kiến của mình trước đm đông chưa?* |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: Những điều mà bạn đã từng làm đó chính là trải nghiệm. Có trải nghiệm vui, có trải nghiệm buồn, tuy nhiên dù vui hay buồn thì có lẽ tất cả chúng ta ở đây đều trưởng thành nhờ nó. Đây cũng chính là chủ điểm thứ 8 của chương trình: Trải nghiệm để trưởng thành. | Gợi ý: |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:**

**-** Nhận biết được chủ đề, thể loại chính

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vg:  + *Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:*  *+* *Em hiểu thế nào là trải nghiệm? Trải nghiệm của em thường gắn với những sự kiện diễn ra ở môi trường nào? Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?*  *+ Thể loại chính và tên các văn bản trong chủ đề là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. Giới thiệu bài học**  - Chủ đề bài học: Trải nghiệm để trưởng thành  -> Trong cuộc đời không ai không có những trải nghiệm. Trải nghiệm thường gắn với sự việc vui hay buồn, trong gia đình, ở trường học hay ngoài xã hội. Trải nghiệm có thể giúp con người trở nên khôn ngoan, chín chắn, dầy dạn, cứng cáp hơn. Nghĩa là con người có khả năng trưởng thành lên qua những trải nghiệm.  - Thể loại chính: Văn bản nghị luận  - Văn bản:  + Bản đồ dẫn đường  + Hãy cầm lấy và đọc  + Nói với con |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và hoàn thiện PHT số 1 theo hình thức nhóm đôi*   |  |  | | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Đặc điểm*** | | *Các vấn đề được bàn trong văn bản nghị luận* |  | | *Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận* |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Khám phá Tri thức ngữ văn**  **1. Các vấn đề được bàn trong văn bản nghị luận**  - Mọi vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học,... đều có thể được nêu ra để bàn trong văn bản nghị luận. Văn bản nghị luận có giá trị phải chọn được vấn đề đáng quan tâm, có ý nghĩa với nhiều người. Trước một vấn đề, có thể có nhiều ý kiến khác nhau.  2. Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận  - Văn bản nghị luận bao giờ cũng thể hiện ý kiến của người viết. Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiến thường được làm rõ bằng một số lí lẽ, mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng. Ý kiến cần mới mẻ, lí lẽ cần sắc bén, bằng chứng cần xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hệ thống chặt chẽ. |

**Hoạt động 2: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- Biết cách đọc văn bản

- Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh đọc văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + *Hướng dẫn cách đọc thầm, đọc to, đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi suy luận, theo dõi*  *+ Trình bày vài thông tin về tác giả, tác phẩm*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi suy luận  - HS biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc, phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Đa-Ni-en Gốt Li ép( 1946)  - Là nhà tâm lý học thực hành, bác sĩ tâm lí gia đình đồng thời là chuyên gia sức khỏe gia đình, người Mỹ  - Tác phẩm chính: Tiếng  nói của xung đột (2001), Những bức thư gửi cháu Sam(2006), Tiếng nói trong gia đình (2007)….  **b. Tác phẩm Bản đồ dẫn đường**  - Xuất xứ: Trích từ cuốn sách Những bức thư gửi cháu Sam  - Phương thức biểu đạt: Tự sự, biểu cảm  - Tóm tắt tác phẩm Bản đồ dẫn đường: Tác phẩm là bức thư của người ông giành cho cháu của mình, kể về hành trình tìm kiếm tấm bản đồ dẫn đường cho cuộc đời mình.Cùng với đó ông đã giải thích cho cháu thấy về vai trò, những khó khăn của “ tấm bảng đồ dẫn đường”  - Bố cục  + Phần 1: Từ đầu…phải bước vào bóng tối: câu  chuyện ngụ ngôn  + Phần 2 : Tiếp theo…bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó: vai trò, khó khăn của việc tìm kiếm bản đồ của người ông  + Phần 3: Còn lại: lời nhắn của ông dành cho cháu |

**Hoạt động 3: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Nhận thấy được bài học ông giành cho cháu trên con đường tìm lối đi của cuộc đời mình

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản.

- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Cách mở đầu câu chuyện và vấn đề bàn bạc**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  (1) *Nêu tác dụng của cách mở đầu văn bản bằng việc kể lại câu chuyện có tính chất ngụ ngôn*. *Gv gợi mở:* *Câu chuyện được kể có lí thú không? Câu chuyện hàm chứa ý nghĩa gì? Tính chất ngụ ngôn của câu chuyện có phù hợp với vấn đề nghị luận không?*  *(2)* *Theo em, hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào? Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta?* *Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Cách mở đầu câu chuyện và vấn đề bàn bạc**  - Cách mở đầu câu chuyện  + Tác giả mở đầu bằng cách kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn.  + Từ câu chuyện có tính chất ngụ ngôn, bao giờ người ta cũng rút ra được một bài học, một kinh nghiệm nào đó. Ở đây, bài học được rút ra đã được kết nối khéo léo với vấn đề nghị luận. Cách giới thiệu vấn đề như vậy khiến người đọc chú ý hơn.  - Vấn đề bàn bạc  + Sự kì khôi của hành động tìm chìa khóa: Chìa khóa vốn để cạnh cửa ra vào mà lại tìm ở ngoài đường.  + Cách lập luận: Ra chỗ sáng sẽ nhìn rõ hơn, mặc dù chỗ sáng chẳng liên quan gì đến chiếc chìa khóa.  -> Chi tiết này của câu chuyện có ý nghĩa rất sâu sắc. Nếu cái “bản đồ” (tức là quan niệm, cách thức hành động mà người ta vạch ra trong đầu) không phù hợp với thực tế đời sống thì sẽ thất bại. Tình huống đời sống vốn vô cùng phong phú, nên mỗi người cần có cách suy nghĩ, phán đoán, đánh giá và đưa ra “bản đồ” sao cho phù hợp nhất.  - Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc được thể hiện qua câu “Rất nhiều khi chúng ta tìm kiếm câu trả lời nơi sáng sủa, trong khi cái chúng ta cần là phải bước vào bóng tối.” |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Lí lẽ, bằng chứng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Hs thảo luận nhóm 4-6 để hoàn thành PHT số 1(trả lời câu hỏi số 3)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Lí lẽ, bằng chứng** |
| **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tấm bản đồ** | Cách nhìn về cuộc đời, con người | - Lí lẽ: | | - Bằng chứng: | | Cách nhìn nhận về bản thân | - Lí lẽ: | | - Bằng chứng: |     **Gợi ý PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tấm bản đồ** | Cách nhìn về cuộc đời, con người | - Lí lẽ: Cách nhìn nhận về cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân. Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con người không giống nhau (một cách nhìn tin tưởng, lạc quan; một cách nhìn thiếu tin tưởng, bi quan) tất yếu sẽ dẫn đến hai sự lựa chọn khác nhau về đường đời. | | - Bằng chứng: Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ “ông” và của bản thân “ông”dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau. | | Cách nhìn nhận về bản thân | - Lí lẽ: Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý *“nhìn nhận về bản thân”: Tôi có phải là người đáng yêu? Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương?* Người viết lí giải: Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình. | | - Bằng chứng: Câu chuyện về chính cuộc đời ông. Sau vụ tai nạn, ôngđã có thay đổi đáng kể để từ đó hiểu mình là ai, ý nghĩa cuộc sống là gì. |   **.** | |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Bài học từ lời tâm sự của “ông” đối với “cháu”**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:    *GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để hướng dẫn HS tìm hiểu câu hỏi số 4*  Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc*– “ông” đã tâm sự với “cháu” như vậy. Theo em, vì sao “ông” bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đồ của riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông” có thể giúp “cháu” rút ra được bài học gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Bài học từ lời tâm sự của “ông” đối với “cháu”**  - Qua lời kể, “ông” tiết lộ rằng, từ nhỏ, cái nhìn về cuộc đời và con người của “ông” hoàn toàn trái ngược với cách nhìn của mẹ “ông” (và cả bố “ông” nữa). “Ông” thì yêu mến và tin tưởng mọi người xung quanh, thấy cuộc đời là chốn an toàn; ngược lại, mẹ “ông” thấy cuộc đời là nơi đầy hiểm nguy, cần luôn đề phòng, cảnh giác. Chính điều đó đã làm cho “ông” mất tự tin với quan điểm của mình, và trở nên vô cùng khó khăn trong việc xác định tấm bản đồ riêng cho bản thân.  - Kể lại kinh nghiệm không vui của cuộc đời mình, dường như “ông” muốn “cháu” hiểu rằng: Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quý, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc. Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình đối với người khác và đối với bản thân - đó mới là yếu tố quyết định. |
| **NV4: Hướng dẫn học sinh Chia sẻ, kết nối**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *GV tổ chức cho hs thảo luận nhóm 4-6 em để trả lời câu hỏi số 5*  *+ Trong hai ý kiến khác nhau sau đây, em tán đồng với ý kiến nào? Vì sao?*  *a. Cuộc sống chỉ toàn những chuỗi lo âu, đau khổ, còn niềm vui thì hiếm hoi và dễ dàng vụt mất như cánh chim trời!*  *b. Cuộc sống là một món quà quý mà chúng ta phải trân trọng*  *Gv gợi mở: Có phải cuộc sống chỉ toàn lo âu, đau khổ?Có phải cuộc sống thực sự là một món quà quý?Hai cách nhìn đó khác nhau như thế nào?Có loại trừ nhau không?Điều gì dẫn đến sự khác biệt ở hai cách nhìn cuộc sống như vậy? Liệu có thể có một cách nhìn trung gian giữa hai cách nhìn kia?*  *+ Đọc lời khuyên của “ông” dành cho “cháu” ở phần cuối văn bản, em rút ra điều gì cho bản thân? GV gợi mở thêm:*  *Trong lời khuyên, “ông” muốn “cháu” phải làm những điều gì? Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào? Chúng ta có cần phải thực hiện những điều “ông” muốn Sam làm không? Vì sao?(HS tự rút ra bài học sau đó trao đổi, thảo luận với các bạn)*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - *GV phân tích, định hướng để HS nhận ra bản chất của vấn đề, tránh định kiến, cực đoan. Phải có một quan niệm khách quan, toàn diện về cuộc sống, không thổi phồng bất cứ biểu hiện nào cũng như không bất chấp những sự thật hiển nhiên.*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv mở rộng: Đây là câu hỏi mở, việc tán thành hay phản đối với từng ý kiến hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức, lựa chọn của HS. Vấn đề quan trọng là cách lập luận để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối là có cơ sở. Mỗi ý kiến đưa ra đều phải kèm theo lí lẽ sắc bén và bằng chứng xác thực. | **4. Chia sẻ, kết nối**  - Chia sẻ về hai ý kiến  + Ý kiến 1: Cuộc sống có những lo âu, đau khổ nhưng cũng có rất nhiều niềm vui, hạnh phúc, điều tốt đẹp, ý nghĩa luôn luôn thường trực. Ta có thể lo âu về điểm số, về gia cảnh, về bệnh tật; đau khổ vì bị bỏ rơi, bị nghi kị, kì thị nhưng đừng quên ta còn có gia đình, có một nơi để trở về. Ta có những người bạn luôn ở bên ta lúc vui buồn.  + Ý kiến 2: Quả thật, cuộc sống là một món quà đáng quý mà chúng ta phải trân trọng. Chúng ta được làm những điều mình thích, được đến những nơi mình muốn, gặp gỡ những người mình yêu thương. Đôi lúc chúng ta cũng không tránh được những thất bại, tuyệt vọng nhưng những điều đó cũng góp phần làm cho cuộc sống của chúng ta ý nghĩa hơn  => Cuộc sống dù không hiếm những buồn khổ, lo âu, nhưng vô cùng đáng quý. Hai mặt này không loại trừ nhau.  - Bài học cho bản thân  + Trong lời khuyên, “ông” muốn “cháu”thực hiện hai điều: thứ nhất, phải tìm kiếm bản đồ cho chính mình; thứ hai, tấm bản đồ đó “cháu” phải tự vẽ bằng chính kinh nghiệm của mình.  + Việc làm của “cháu” sẽ giúp “cháu” biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình.  + Không chỉ Sam, mà chúng ta đều cần tìm kiếm cho chính mình tấm bản đồ, bởi vì, trên đời, mỗi người có một hành trình riêng. Trong quá trình trưởng thành, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, kể cả thành công và thất bại, không thể bắt chước, vay mượn kinh nghiệm sống của bất kì ai khác. |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hãy tóm tắt nội dung của văn bản.*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Bài học ông giành cho cháu trên con đường tìm lối đi của cuộc đời mình  **2. Nghệ thuật**  - Mở đầu bằng câu chuyện mang tính ngụ ngôn nhằm dẫn dắt người đọc nhẹ nhàng vào vấn đề chính.  - Lời văn đơn giản, ngắn gọn, nhưng mang tính uyên thâm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“Hộp quà bí mật”*để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi “Hộp quà bí mật” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*  Câu 1: Tác giả của văn bản "Bản đồ dẫn đường" là ai?  A. Charles Perrault  B. Paul Claudel  C. Patrick Modiano  **D. Đa-ni-en Gốt-li-ep**  Câu 2: Tác giả của văn bản "Bản đồ dẫn đường" đến từ đâu?  A. Anh  **B. Mỹ**  C. Nga  D. Đức  Câu 19: Tác phẩm "Bản đồ dẫn đường" được trích từ cuốn sách nào?  A. Học từ trái tim  B. Tiếng nói trong gia đình  **C. Những bức thư gửi cháu Sam**  D. Tiếng nói của xung đột  Câu 4: Văn bản là lời của ai nói với ai?  **A. Của ông nói với cháu**  B. Của cha nói với con  C. Của mẹ nói với con  D. Của bà nói với con  Câu 5: Tác dụng của cách mở đầu văn bản bằng việc kể lại câu chuyện có tính chất ngụ ngôn trong "Bản đồ dẫn đường" là gì?  **A. Lôi cuốn người đọc vào văn bản và suy nghĩ về ý nghĩa của câu chuyện ngụ ngôn**  B. Tạo nét riêng cho văn bản cũng như tạo dấu ấn của tác giả  C. Giúp người đọc dễ hình dung câu chuyện và tạo ra được sự hấp dẫn cho văn bản  D. Câu chuyện giúp cho sự dẫn dắt của tác giả có điểm nhấn hơn  Câu 6: Tác giả đã lí giải mấy khía cạnh của hình ảnh ẩn dụ "tấm bản đồ"?  **A. 2**  B. 3  C. 4  D. 5  Câu 7: Ý nào dưới đây là đúng khi nói về các khía cạnh được tác giả lí giải về hình ảnh ẩn dụ "tấm bản đồ"?  A. Tấm bản đồ là cách nhìn về những người xung quanh.  B. Tấm bản đồ còn là cách nhìn nhận về bản thân chúng ta.  C. Là tấm bản đồ dẫn tới mọi ngóc ngách trong thành phố  **D. Cả A, B**  Câu 8: Vai trò của “tấm bản đồ” đối với đường đời của con người là gì?  **A. Quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống, với mọi người và với chính bản thân mình**  B. Hướng dẫn tới mọi ngóc ngách trong thành phố  C. Hướng dẫn cách đánh giá con người  D. Hướng dẫn cách bình phẩm về cuộc sống  Câu 9: Trong "Bản đồ dẫn đường", vì sao "ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đồ của riêng mình?  A. Vì ông không bao giờ muốn nghĩ về tấm bản đồ nào.  B. Vì ông chưa bao giờ có ý định tìm kiếm một chiếc bản đồ cho riêng mình.  C. Vì ông cảm thấy không cần thiết phải tự vạch sẵn một tấm bản đồ.  **D. Vì bố mẹ ông luôn vạch sẵn cho "ông" tấm bản đồ của họ khiến "ông" không biết được bản thân mình là ai và cuộc sống có ý nghĩa gì..**  Câu 10: Đọc lời khuyên của "ông" dành cho "cháu" ở phần cuối văn bản "Bản đồ dẫn đường", chúng ta có thể rút ra bài học gì?  A. Chúng ta vẫn nhỏ và chưa cần tìm kiếm cho mình một hướng đi cho tương lai.  B. Chúng ta nên sống phụ thuộc vào bố mẹ.  **C. Bản thân cần phải hiên ngang, mạnh mẽ, tự tin vào chính bản thân mình..**  D. Ngay từ khi còn rất nhỏ chúng ta đã cần tìm kiếm hướng đi cho tương lai, dù phải chống đối lại cha mẹ.  Câu 11: Theo người ông, cách duy nhất để tìm một bản đồ khác là gì?  A. Mua ở cửa hàng  **B. Sẵn sàng tìm trong bóng tối**  C. Học theo người khác  D. Bước ra ánh sáng để tìm con đường của mình  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***Gợi ý:*** |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  [*Trên “con đường” đi tới tương lai của bản thân, “tấm bản đồ” có vai trò như thế nào? Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu).*](https://vietjack.com/soan-van-lop-7-kn/tren-con-duong-di-toi-tuong-lai-cua-ban-than-tam-ban-do.jsp)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Gợi ý:  - Về nội dung: Làm rõ được trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một “tấm bản đồ”; “tấm bản đồ” giúp con người chủ động, tự tin vào hướng đi mình lựa chọn; nó có thể giúp con người vượt qua những khó khăn thử thách trên từng bước đường đời...  - Về hình thức: Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn rõ ràng. Các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp. Hạn chế các lỗi về chính tả, diễn đạt.  **Đoạn văn tham khảo:**  Trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một “tấm bản đồ”. “Tấm bản đồ” giúp con người chủ động, tự tin vào hướng đi mình lựa chọn. Nó có thể giúp con người vượt qua những khó khăn thử thách trên từng bước đường đời. Mỗi người có một hành trình riêng. Trong quá trình trưởng thành, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, kể cả thành công và thất bại, không thể bắt chước, vay mượn kinh nghiệm sống của bất kì ai khác. |

**IV. Phụ lục**

**TIẾT 101,102: KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nắm vững các kiến thức về Tiếng Việt, Tập làm văn, Văn học đã học giữa học kì II.

**2. Kĩ năng**

- Kĩ năng đặt câu, viết đoạn văn, làm bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

**3. Thái độ**

**-** Nghiêm túc khi làm bài.

**4. Những năng lực cần phát triển**

- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Thầy:** Đề kiểm tra của nhà trường

**2. Trò:** Ôn tập kiến thức đã học.

**III.TỔ CHỨC DẠY HỌC .**

**Bước  *: Ổn định tổ chức:***

**Bước2: *Kiểm tra bài cũ:***

**Bước 3*: Bài mới***

**Đề bài**

***(Đề của nhà trường)***

***Bước 4.*** ***Giao bài, hướng dẫn học bài***

- Ôn tập lại kt đã học.

- Chuẩn bị : Luyện tập về văn bản tường trình và văn bản thông báo

**TIẾT 103,104: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT**

**(BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hs củng cố hai khái niệm liên kết và mạch lạc, mối quan hệ giữa liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phương tiện liên kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong văn bản, chức nănh liên kết và mạch lạc trong văn bản

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Hs nhận diện các phương tiện liên kết thường sử dụng trong văn bản, phân tích được chức năng của liên kết qua những ngữ liệu cụ thể, vận dụng tri thức về liên kết vào việc viết đoạn văn hoặc tạo lập văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền về mạch lạc trong văn bản

**b. Nội dung:** Hs trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện: wkntt7**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS 4** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Gv yêu cầu học sinh mở lại đoạn văn ở phần vận dụng tiết trước ra chỉ ra những yếu tố giúp đoạn văn có sự kết nối với nhau*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV dẫn dắt vào bài học:* Những từ ngữ được in đậm chính là nhân tố kết nối các câu trong đoạn văn để làm sáng tỏ chủ đề “Vai trò của của tấm bản đồ trên con đường đi tới tương lai”. Đó cũng chính là biểu hiện của các phép liên kết- nội dung của bài học ngày hôm nay | *- Gợi ý:*  Trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một **“tấm bản đồ”**. **“Tấm bản đồ”** giúp con người chủ động, tự tin vào hướng đi mình lựa chọn. **Nó** có thể giúp **con người** vượt qua những khó khăn thử thách trên từng bước đường đời. **Mỗi người** có một hành trình **trưởng thành** riêng. Trong quá trình **trưởng thành**, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, kể cả thành công và thất bại, không thể bắt chước, vay mượn kinh nghiệm sống của bất kì ai khác. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv phát PHT số 1, Hs hoàn thiện phiếu theo nhóm đôi*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tri thức tiếng Việt** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1: Một số phép liên kết thường dùng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phép liên kết** | **Khái niệm** | **Ví dụ** | | Phép lặp từ ngữ |  |  | | Phép thế |  |  | | Phép nối |  |  |   . |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Gợi ý Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phép liên kết** | **Khái niệm** | **Ví dụ** | | Phép nối | Câu đứng sau có từ ngữ nối biểu thị quan hệ với câu trước. | Nam rất chăm chỉ đọc sách. Vì vậy, bạn ấy đã có vốn sống phong phú. | | Phép thế | Câu đứng sau có từ ngữ dùng để thay thế cho từ ngữ ở câu trước. | Dân ta có lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. | | Phép lặp | Câu đứng sau lặp lại từ ngữ ở câu đứng trước, có tác dụng liên kết. | Học bài là thói quen tốt. Nếu chăm chỉ học bài thì bạn sẽ thành công trong tương lai |   . |   **.** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Thực hành, vận dụng kiến thức về kiên kết trong văn bản để làm bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung trả lời của các bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *GV chia lớp thành các nhóm 4-6 hs để thảo luận và làm bài tập:*  *Đọc hai đoạn văn sau và thực hiện các nhiệm vụ ở dưới:*  *Đoạn thứ nhất: (1) Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào? (2) Ông sẽ kể cho cháu nghe tấm bản đồ của ông. (3) Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đây hiếm nguy. (4) Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác. (5) Bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó.*  *Đoạn thứ hai: (1) Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông. (2) Những gì ông thấy không giống như lời mẹ ông nói. (3) Ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh, (4) Ông thấy cuộc đời là chốn bình yên và an toàn. (5) Kết quả là ông nhận thấy mình khác biệt với chính gia đình mình. (6) Chưa bao giờ ông cảm thấy tự tin với quan điểm của mình, bởi gia đình ông luôn cho rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm. (7) Mỗi khi ông và mẹ trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: “Cứ chờ mà xem!”.*  [***Câu 1:*** *Em hãy tóm lược ý của từng đoạn văn trong một câu và cho biết nhờ tính chất gì của hai đoạn văn mà em tóm lược được như vậy.*](https://vietjack.me/em-hay-tom-luoc-y-cua-tungdoan-van-trong-mot-cau-va-cho-biet-nho-tinh-81455.html)  [***Câu 2:****Chỉ ra các phương tiện liên kết các câu trong đoạn thứ nhất và các câu trong đoạn thứ hai.*](https://vietjack.me/chi-ra-cac-phuong-tien-lien-ket-cac-cau-trong-doan-thu-nhat-va-cac-cau-81457.html)  [***Câu 3:****Câu nào có tác dụng liên kết đoạn thứ hai với đoạn thứ nhất? Những phương tiện liên kết nào được sử dụng trong câu đó?*](https://vietjack.me/cau-nao-co-tac-dung-lien-ket-doan-thu-hai-voi-doan-thu-nhat-nhung-phuo-81459.html)  [***Câu 4:****Em thử đổi vị trí các câu trong đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai theo một trật tự bất kì, chẳng hạn 2, 4, 1, 5, 3 (đoạn thứ nhất) và 7, 3, 4, 6, 1, 5, 2 (đoạn thứ hai). Hãy đọc lại các câu theo trật tự đã thay đổi và rút ra nhận xét.*](https://vietjack.me/em-thu-doi-vi-tri-cac-cau-trong-doan-thu-nhat-va-doan-thu-hai-theo-mot-81460.html)  [***Câu 5:****Hai đoạn văn trên sắp xếp đúng trật tự trong văn bản. Em thử hoán đổi vị trí hai đoạn cho nhau và rút ra nhận xét.*](https://vietjack.me/hai-doan-van-tren-sap-xep-dung-trat-tu-trong-van-ban-em-thu-hoan-doi-v-81462.html)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung | **II.** **Luyện tập**  **Câu 1:**  - Đoạn thứ nhất: Ông nhớ lại cách nhìn cuộc đời của mẹ ông và bố ông.  - Đoạn thứ hai: Ông luôn tin tưởng mọi người. ngược lại, mẹ ông thì luôn hoài nghi.  → Do tất cả các câu trong đoạn văn cùng thể hiện một chủ đề, giữa các câu có sự liên kết về hình thức nên em đã tóm lược được nội dung của mỗi đoạn.  **Câu 2:**  **-**Ở đoạn thứ nhất:  +Câu 2 gắn với câu 1 bằng lặp từ ngữ (*Bản đồ dẫn đường của cháu- tấm bản đồ của ông).*  + Câu 3 gắn với câu 2 bằng lặp từ “ông”  + Câu 4 gắn với câu 3 bằng đại từ thay thế (*mẹ ông- bà),*bằng việc lặp lại từ “*ông”.*  + Câu 5 gắn với câu 4 bằng từ ngữ thay thế (*quan điểm đó* thay cho một cụm dài nói về quan điểm của bà mẹ) và bằng việc lặp lại từ *ông.*  - Ở đoạn thứ hai: tất cả các câu liền kề nhau đều gắn với nhau bằng cách lặp từ *ông.*  **Câu 3:**  -  Câu *Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông*có tác dụng để liên kết hai đoạn văn với nhau.  -  Phương tiện liên kết là quan hệ từ *nhưng* - chữ đầu tiên nằm ở câu 1 của đoạn thứ hai. Đoạn sau lặp lại từ *quan điểm* ở đoạn trước cũng có tác dụng liên kết.  **Câu 4:**  - Ở tập hợp thứ nhất: Về hình thức, một số câu liền kề nhau không còn phương tiện liên kết, nhưng quan trọng hơn giữa chúng không có mối quan hệ về nội dung.  - Ở tập hợp thứ hai: Về hình thức, các phương tiện liên kết (lặp từ ông) vẫn tồn tại, song các câu không có sự liên kết về nội dung.  → Cả hai tập hợp không làm nổi bật được 1 chủ đề nào đó cố định, vì vậy đây không được coi là hai đoạn văn, mà chỉ coi là hai tập hợp hỗn độn.  **Câu 5:**  Bản thân mỗi đoạn không có gì thay đổi ý nghĩa, nhưng giờ đây hai đoạn không còn quan hệ logic. Dấu hiệu lộn xộn thể hiện rất rõ ở chỗ: câu chuyện về sự trái ngược trong cách nhìn nhận về cuộc đời, con người của mẹ và của ông đã kể xong ở đoạn trên, thì đoạn dưới mới thấy nói: *Ông sẽ kể cháu nghe…* Nói như vậy không phù hợp với thực tế giao tiếp. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Viết một đoạn văn với chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 2 phép liên kết*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn | *Cảm nhận về cuốn sách Hachiko chú chó đợi chờ*  *Em thích đọc sách, đọc truyện. "Hachiko chú chó đợi chờ" là cuốn sách mà em yêu thích nhất. Lần đầu tiên em đọc cuốn sách này đã rất xúc động và ấn tượng. Cuốn sách kể về cuộc sống và tình cảm, sự trung thành của chú chó Hachiko dành cho người chủ của mình. Giáo sư Eisaburo Ueno là chủ của Hachiko, khi chủ còn sống, Hachiko hàng ngày theo ông đến nhà ga tiễn ông đi làm, đều đặn 5 giờ chiều lại đến nhà ga đón ông trở về. Nhưng rồi giáo sư qua đời, Hachiko thì không biết điều đó, chú chó vẫn làm công việc của mình, chờ chủ trong mòn mỏi bất kể mưa nắng không thiếu một ngày nào trong suốt 10 năm. Sự trung thành của chú chó khiến Hachiko trở thành biểu tượng cho lòng trung thành ở đất nước Nhật Bản, trở thành chú chó nổi tiếng nhất thế giới. Từng câu chuyện của Hachiko khiến con tim em lay động, những hàng nước mắt vẫn không thể kìm được mỗi lần đọc sách.* |

**IV. Phụ lục**

**TIẾT 105,106: HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC**

**Huỳnh Như Phương**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Nhận thấy được “Hãy cầm lấy và đọc” như một lời nhắn nhủ trân trọng tới độc giả hãy đọc sách, tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù:**

- HS nắm được chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận (nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hóa đọc,…) Tất cả đều được trình bày thành những ý kiến có khả năng định hướng suy nghĩ cho người đọc.

- HS hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển đoạn và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.

**3. Phẩm chất:**

- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2,3

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,

- Dự án giới thiệu về tác giả, tác phẩm (tranh vẽ,video, Inforgraphic, ppt...)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  [*Câu 1: Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc về việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa.*](https://vietjack.me/neu-mot-cau-danh-ngon-noi-ve-sach-hoac-ve-viec-doc-sach-ma-em-cho-la-c-81463.html)  [*Câu 2: Em thích đọc loại sách nào? Em đã từng thu nhận được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?*](https://vietjack.me/em-thich-doc-loai-sach-nao-em-da-tung-thu-nhan-duoc-dieu-gi-bo-ich-sau-81465.html)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát , lắng nghe  - Gv gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV dẫn dắt: | Gợi ý:  - Danh ngôn  + Không có gì có thể thay thế văn hóa đọc (Gunte Grass)  + "Việc đọc rất quan trọng. Nếu bạn biết cách đọc, cả thế giới sẽ mở ra cho bạn.” - Barack Obama  + "Đọc sách cho tâm trí cũng cần như thể dục cho cơ thể." (Sưu tầm)  + "Đọc sách có thể không giàu, nhưng không đọc, chắc chắn nghèo!" (Sưu tầm)  + Một người không đọc sách chẳng hơn gì kẻ không biết đọc.  - Một cuốn sách hay cho ta một điều tốt, một người bạn tốt cho ta một điều hay (Gustavơ Lebon)  - Em rất thích đọc sách về văn học. Em thích đọc truyện *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* của Nguyễn Nhật Anh. Qua truyện, em thấy tâm hồn trong trẻo hơn, thấy tuổi thơ thật đẹp, thật ý nghĩa, từ đó biết trân trọng từng khoảnh khắc |

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- Biết cách đọc văn bản, nhận biết thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + *Hướng dẫn cách đọc thầm, đọc to, đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng chỗ*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  *+ Trình bày vài thông tin về tác giả, tác phẩm*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi hình dung, theo dõi  **2. Tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Huỳnh Như Phương (1955), quê ở Quảng Ngãi  - Là giảng viên đại học, nhà nghiên cứu phê bình văn học  - Tác phẩm chính: Dẫn vào tác phẩm văn chương (1986); Trường phái Hình thức Nga (2007); Những nguồn cảm hứng trong văn học (2008); Hãy cầm lấy và đọc (2016); Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn (2019)...  **b. Tác phẩm**  - Thể loại: văn bản nhật dụng  - Phương thức biểu đạt: nghị luận  - Bố cục  + Phần 1 (Từ đầu đến “không dễ nhận ra”): Tầm trong trọng của việc đọc sách.  + Phần 2 (Tiếp theo đến “ giá trị tinh thần”): Khẳng định vai trò của sách trong thế giới hiện đại.  + Phần 3 (Còn lại): Biện pháp khắc phục sự sa sút văn hóa đọc, kêu gọi mọi người nên đọc sách |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

Nhận thấy được “Hãy cầm lấy và đọc” như một lời nhắn nhủ trân trọng tới độc giả hãy đọc sách, tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.

- HS nắm được chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận (nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hóa đọc,…) Tất cả đều được trình bày thành những ý kiến có khả năng định hướng suy nghĩ cho người đọc.

- HS hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển đoạn và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.

- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về Vấn đề bàn luận**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Văn bản tập trung bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Hướng dẫn học sinh Tóm lược ý kiến**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Hs thảo luận nhóm 4-6 em để hoàn thành PHT số 1*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đoạn** | **Vị trí** | **Tóm lược ý kiến** | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  | | 4,5,6 |  |  | | 7 |  |  | | 8 |  |  | | 9,10 |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm, hs bổ sung, phản biện  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về nhân vật**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Chỉ ra câu văn thể hiện cách lí giải của tác giả về thông điệp “Hãy cầm lấy và đọc”. Em đồng ý với cách lí giải đó không? Vì sao? Gv gợi mở: Việc tiếp xúc trực tiếp với cuốn sách (tự đọc lấy) với việc nghe người khác nói về cuốn sách khác nhau thế nào? Trong hai cách đó, cách nào mới thực sự là trải nghiệm? Trải nghiệm bằng cách đọc trực tiếp sẽ thu được những điều gì mà người khác không thể đem đến cho ta?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu lí lẽ, bằng chứng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Vì sao tác giả cho rằng khi các phương tiện nghe nhìn ngày càng tăng, đọc sách vẫn là một nhu cầu không thể thiếu của con người? Tương tự, muốn biết bằng chứng nào đã được sử dụng, cần suy nghĩ theo hướng: Dựa vào thực tế nào để khẳng định: Khi các phương tiện nghe nhìn ngày càng tăng, đọc sách vần là một nhu cầu không thể thiếu của con người?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV5: Hướng dẫn học sinh Chia sẻ, kết nối**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *GV sử dụng phương pháp đàm thoại: Theo tác giả, cần có những điều kiện gì để giải quyết tình trạng sa sút của văn hóa đọc hiện nay? Em tán thành với ý kiến của tác giả về vấn đề này không? Vì sao?*  *(GV gợi mở: Em hiểu thế nào là tình trạng sa sút của văn hóa đọc? Theo em, do đâu có tình trạng này? Muốn giải quyết tình trạng đó, tác giả nêu ra những điều kiện nào?)*  *Gv sử dụng phương pháp thảo luận nhóm: Từ nội dung văn bản Hãy cầm lấy và đọc, theo em, có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm được không? Vì sao? (Gv gợi mở: Bản chất của trải nghiệm là gì? Qua trải nghiệm, con người thường thu nhận được những gì? Con người có thể thu nhận được gì qua đọc sách? Vậy có thể xem đọc sách là trải nghiệm được không)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Vấn đề bàn luận**  - VB này tập trung bàn về việc đọc sách. Điều này thể hiện trước hết ở:  + Nhan đề: *Hãy cầm lấy và đọc.*  + Mở bài: Câu chuyện về động lực đọc sách của Thánh Au-gu-xtinh.  + Thân bài: Tất cả các đoạn triển khai phần Thân bài đều nói về việc đọc sách.  + Kết bài: Nhắc lại thông điệp về đọc sách.  **2. Tóm lược ý kiến**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đoạn** | **Vị trí** | **Tóm lược ý kiến** | | 1 | Từ Tương truyền… đến thời trung đại | (Tóm lược ý kiến bằng một câu văn)  Ví dụ: Câu chuyện về việc lĩnh hội sứ mệnh đọc sách, nghiên cứu của Thánh Au-gu-xtinh. | | 2 | Từ Vượt qua tính hất huyền bí đến không dễ nhận ra): | Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống tinh thần của con người. | | 3 | Từ “Em hãy cầm lấy và đọc” đến một cuốn sách hay | Sự khuyến khích đọc sách đến từ những người có trách nhiệm với ta | | 4,5,6 | Từ Không phủ nhận vai trò đến Hơ-ớt Mác-kiu-dơ đã nói | Sự kì diệu của sách và tác dụng to lớn của việc đọc sách. | | 7 | Từ Thời nay, với sự xuất hiện đến những giá trị tinh thần | Đọc sách trong điều kiện thay đổi hình thức sách. | | 8 | Từ Lâu nay, chúng ta thường được nghe đến vẫn là vô ích | Giai pháp cho tình trạng xuống cấp của văn hóa đọc | | 9,10 | Từ Sách sinh ra không phải để được trưng bày đến hết | Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách. |   **3. Thông điệp của tác phẩm**  - Câu văn mang thông điệp: *“Hãy cầm lấy và đọc”*  - Câu văn thể hiện cách lí giải: *Hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.*  - Quan điểm của bản thân: Đồng ý vì từ trước đến nay không ai có thể phủ nhận được vai trò của sách đối với cuộc sống của mỗi con người. Tuy nhiên sách chỉ phát huy vai trò nếu như chúng ta có thể cảm nhận nội dung qua từng chữ cái, từ ngữ bằng chính đôi mắt và tâm hồn của bản thân mình để có thế tư duy, tiếp nhận và thấu hiểu  **4. Lí lẽ, bằng chứng**  - Những lí lẽ được đưa ra: Người ta vẫn đọc sách ngay khi các phương tiện nghe nhìn phát triển bởi sự kì diệu của chữ trên trang asách (hàm chứa văn hóa của một dân tọc, mang hồn thiêng của đất nước, kích thích trí tưởng tượng, khơi gợi tư duy hồi đáp, phản biện,…)  - Bằng chứng để củng cố cho lí lẽ: Sách chỉ là giấy và mực mà chứa cả thế giới, phơi bày cả bí ẩn của vũ trụ cũng như xã hội con người; nhờ đọc sách, ta hiểu đời, hiểu người, hiểu chính mình; đọc một cuốn sách hay như bị cuốn vào nỗi say mê, niềm khoái cảm;…  **5. Chia sẻ, kết nối**  - Vấn đề giải quyết tình trạng sa sút của văn hóa đọc  + Tác giả nêu hai điều kiện: chủ thể đọc và đối tượng đọc. Chủ thế đọc là con người. Con người phải ham đọc. Đối tượng đọc là sách. Phải có sách hay thì mới thu hút người đọc. Thiếu một trong hai điều kiện này, tình trạng sa sút của văn hóa đọc khó cải thiện được.  => Ý kiến của tác giả rất hợp lý, bởi vì việc phát triển ý thức của mỗi người đọc là điều quan trọng, người đọc cần hình thành ý thức và thái độ đọc sách để tiếp thu những bài học trong cuộc sống. Ngoài ra, hiện nay trên thị trường có rất nhiều cuốn sách không chất lượng, ý nghĩa, làm xấu đi bộ mặt của những cuốn sách chân chính. Chính vì vậy cả người đọc và sách đều cần là “bộ mặt” tốt đẹp nhất để kích thích nhau cùng phát triển.  - Quan điểm của bản thân về vấn đề đọc sách là một kiểu trải nghiệm  + Trải nghiệm là kinh qua, trải qua. Nói rõ hơn là được chứng kiến, tham dự một sự kiện gì, trực tiếp làm một việc gì, hay chịu một sự tác động nào từ bên ngoài, để lại những cảm giác, suy nghĩ, ấn tượng trong bản thân.  + Thông thường, qua trải nghiệm, con người hiểu biết đầy đủ hơn, suy nghĩ sâu sắc hơn, rút ra được bài học bổ ích về ứng xử. Nói gọn lại, con người sẽ trưởng thành hơn qua trải nghiệm,  + Đọc sách, người đọc mở mang trí tuệ, làm giày cảm xúc, khám phá tự nhiên và xã hội, hiểu biết về con người và bản thân. Đọc sách có khi người đọc như được xuyên thời gian về quá khứ hay đến với tương lai xa xôi; có khi như được du lịch tới một miền đất lạ, và bằng tưởng tượng, như được sống với những số phận, những cuộc đời khác. Những gì mà sách đem lại cho đời sống tinh thần của người đọc là hết cứ phong phú.  => Do vậy, hoàn toàn có thể xem đọc sách cũng là một kiểu trải nghiệm. |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hãy tóm tắt nội dung và ý nghĩa của văn bản?*  *+ Theo em, chủ đề của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  “Hãy cầm lấy và đọc” như một lời nhắn nhủ trân trọng tới độc giả hãy đọc sách, tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.  **2. Nghệ thuật**  - Lập luật chặt chẽ, logic bằng những lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục.  - Giọng văn tha thiết |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“...”* để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi “Quyển sách em yêu” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học. (Trả lời đúng được tặng sách: Mắt biếc, Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ..., ppt thể hiện nội dung này giúp chị nhé)*  Câu 1: Thông điệp của văn bản là gì?  A. Hãy học cách phòng tránh đuối nước  B. Hãy đọc sách, tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách  C. Hãy học cách đọc sách hiệu quả  D. Hãy trồng cây bảo vệ môi trường  Câu 2: Trong văn bản "Hãy cầm lấy và đọc", câu chuyện mở đầu kết nối như thế nào với vấn đề nghị luận?  A. việc đọc sách  B. việc lắng nghe  C. việc nói chuyện  D. việc suy nghĩ  Câu 3: Trong văn bản "Hãy cầm lấy và đọc", lí lẽ nào được dùng để khẳng định vai trò của sách trong thế giới hiện đại?  A. Đọc là một sở thích của mỗi người.  **B. Đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người.**  C. Không đọc sách con người không thể sống.  D. Đọc hay không đọc không quan trọng.  Câu 4: Trong văn bản "Hãy cầm lấy và đọc", bằng chứng được dùng để khẳng định vai trò của sách trong thế giới hiện đại?  **A. Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước.** B. "Bạn hãy cầm lấy và đọc", đó là lời chia sẻ của một người bạn muốn giới thiệu cho ta một cuốn sách hay.  C. "Em hãy cầm lấy và đọc", đó là lời nói tin cậy của thấy giáo khi trao cho học trò một cuốn sách quý.  D. Có những cuốn sách làm ta thất vọng, hụt hẫng.  Câu 5: Trong văn bản "Hãy cầm lấy và đọc" đã đưa ra mấy phương diện để giúp khắc phục sự sa sút của văn hóa đọc?  **A. 2**  B. 4  C. 3  D. 5  Câu 6: Văn bản "Hãy cầm lấy và đọc" tập trung bàn về vấn đề gì?  **A. vấn đề đọc**  B. vấn đề nhìn  C. vấn đề nghe  D. vấn đề suy nghĩ  Câu 7: Chỉ ra câu văn thể hiện cách lí giải của tác giả về thông điệp "Hãy cầm lấy và đọc"?  **A. "Hãy cầm lấy và đọc" có thể xem là một thông điệp: hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.**  B. "Bạn hãy cầm lấy và đọc", đó là lời chia sẻ của một người bạn muốn giới thiệu cho ta một cuốn sách hay.  C. "Em hãy cầm lấy và đọc", đó là lời nói tin cậy của thấy giáo khi trao cho học trò một cuốn sách quý.  D. Có những cuốn sách làm ta thất vọng, hụt hẫng.  Câu 8: Theo tác giả, cần có những điều kiện gì để giải quyết tình trạng sa sút của văn hóa đọc hiện nay?  A. cần có người hiếu học  **B. cần có người ham đọc và có sách hay để đọc**  C. cân có nhiều hình thức phát hành sách  D. cần cuốn sách có nội dung chạy  theo xu hướng  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với chủ đề: Sách là để đọc, không phải để trưng bày*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Sách mang lại nguồn tri thức, cung cấp cho con người những kiến thức bổ ích, phục vụ cho cuộc sống, lĩnh vực mà người đó làm việc, theo đuổi,…Sách là nguồn tri thức được đúc kết qua nhiều thời kì, cung cấp cho người nguồn kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau, qua sự tích lũy, con người sẽ có vốn sống riêng cho bản thân mình. Sách còn giúp con người nuôi dưỡng tâm hồn, giúp con người tìm ra lí tưởng sống đúng đắn và hình thành những đức tính đẹp đẽ.Mỗi con người không thể trưởng thành, mở rộng tầm hiểu biết nếu không tiếp thu, lĩnh hội kiến thức, kiến thức được ghi lại, tập trung chủ yếu dưới dạng sách vở. Sách rất quan trọng trong đời sống của con người, vì vậy nó chính là thứ mà mỗi người cần phải đọc để tiếp thu chứ không phải một đồ vật dùng để trang trí bám bụi theo thời gian. |

**IV. Phụ lục**

**TIẾT 107:THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THUẬT NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS hiểu được thế nào là thuật ngữ; cách xác định nghĩa của thuật ngữ; biết được có những đơn vị khi thì được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường; biết dựa vào câu để xác định một đơn vị nào đó có phải là thuật ngữ hay không.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- HS vận dụng hiểu biết về thuật ngữ để tiếp nhận VB khoa học trong các bài học; biết sử dụng thuật ngữ trong việc tạo lập VB theo yêu cầu.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV phát PHT số 1

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| **Từ ngữ** | **Thường xuất hiện trong SGK môn nào?** |
| Bài thơ, ngôi kể, truyện kể, đồng thoại, cụm từ, danh từ, cụm động từ, từ Hán Việt,…. | Ngữ văn |
| Đường tròn, hình vuông, diện tích, chu vi, phân số, số thập phân,…. | Toán học |
| Thương cảng, giai cấp, nô lệ, thời đại đồ đá, thiên niên kỷ, trước Công Nguyên,… | Lịch sử |
| Vỏ Trái Đất, bản đồ, khí hậu, biến đổi khí hậu, hành tinh, hệ Mặt Trời,…. | Địa lí |
| Tế bào, oxygen, lực ma sát, lực tiếp xúc, cơ thể đơn bào, cơ thể đa bào, dung môi, dung dịch,… | Vật lí |
| Âm ổn định của gam Đô trưởng, âm hình tiết tấu, độc tấu, hành khúc, hòa tấu, tiết tấu, thang âm, quãng,… | Âm nhạc |
| Những từ này thường được thống kê trong bảng phụ lục của các quyển SGK, chúng được gọi là gì? Thuật ngữ | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  Hs thực hiện PHT số 1  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV dẫn dắt vào bài học mới* | *- Gợi ý:*  *.* |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức tiếng Việt**

**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu được thế nào là thuật ngữ; cách xác định nghĩa của thuật ngữ; biết được có những đơn vị khi thì được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường; biết dựa vào câu để xác định một đơn vị nào đó có phải là thuật ngữ hay không.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV phát PHT số 2 để hướng học sinh tìm hiểu về thuật ngữ*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Yếu tố* | *Biểu hiện* | *Ví dụ (nếu có)* | | *Khái niệm* |  |  | | *Chức năng* |  |  | | *Căn cứ để hiểu nghĩa của thuật ngữ* |  |  | | *Cách dùng thuật ngữ* |  |  |   - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt** |
| **.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Yếu tố*** | ***Biểu hiện*** | ***Ví dụ (nếu có)*** | | *Khái niệm* | Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định |  | | *Chức năng* | Dùng để biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ. |  | | *Căn cứ để hiểu nghĩa của thuật ngữ* | - Muốn hiểu nghĩa của thuật ngữ, cần tìm đến Bảng tra cứu thuật ngữ ở phía sau cuốn sách (nếu có) hoặc đọc các từ điển chuyên ngành.  - Việc suy đoán nghĩa của thuật ngữ dựa vào ngữ cảnh hay ghép nối nghĩa của từng yếu tố cấu tạo rất dễ dẫn tới tình trạng hiểu sai thuật ngữ. |  | | *Cách dùng thuật ngữ* | - Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường  - Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường | - **Muối** là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid.  Trong trường hợp này, muối là thuật ngữ, chỉ một loại hợp chất hóa học.  + Canh còn hơi nhạt, con thêm tí **muối** nữa đi.  Muối ở đây là một từ thông dụng, chỉ một loại gia vị trong thực phẩm.  - **Ẩn số** của phương trình này là một số thập phân.  **Ẩn số** ở đây là một thuật ngữ toán học, có nghĩa: “số chưa biết”.  - Liệu con vi-rút này có biến thể nào khác hay không vẫn còn là một **ẩn số**.  Trong câu này, ẩn số là từ thông dụng, có nghĩa: “điều chưa ai biết rõ”.  Muốn xác định được một từ ngữ có phải là thuật ngữ hay không, phải dựa vào ngữ cảnh mà nó xuất hiện. |   **.** | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- HS vận dụng hiểu biết về thuật ngữ để tiếp nhận VB khoa học trong các bài học; biết sử dụng thuật ngữ trong việc tạo lập VB theo yêu cầu.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV tổ chức để học sinh thảo luận nhóm các bài tập*  *Bài tập 1: Chỉ ra thuật ngữ trong những câu sau và cho biết dựa vào đâu em xác định như vậy.*  *a. Sam, ông chợt nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn này khi nghĩ tới những tấm bản đồ dẫn đường cho chúng ta*  *b. Từ hôm đó, được thúc đẩy bởi một sứ mệnh có tính chất mặc khải, ông đi sâu nghiên cứu triết học, và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại*  *c. Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước*  *d. Thời nay, với sự xuất hiện của in-tơ-nét và sách điện tử, cách đọc cũng đa dạng: đọc không chỉ là nhìn vào trang giấy và chữ in mà còn nhìn vào màn hình chiếu sáng*  ***Bài tập 2:*** *Hãy tra từ điển hoặc các loại tài liệu thích hợp để tìm hiểu nghĩa của các thuật ngữ đã tìm được ở bài tập 1*  ***Bài tập 3:*** *Trong các từ ngữ in đậm ở những cặp câu dưới đây, trường hợp nào là thuật ngữ, trường hợp nào là từ ngữ thông thường? Cho biết căn cứ để xác định như vậy.*  *a. Cặp câu thứ nhất:*  *- Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc*  *- Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là điệp khúc*  *b. Cặp câu thứ hai:*  *- Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn năng lượng*  *- Đọc sách là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần*  *c. Cặp câu thứ ba:*  *- Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc*  *- Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1:**  - Câu a: ngụ ngôn; câu b: triết học; câu c: văn hóa; câu d: internet.  - Căn cứ: Các đơn vị trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể. Ngụ ngôn dùng để chỉ một thể loại văn học; triết học: chỉ một ngành khoa học; văn hóa: chỉ những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra; internet: chỉ một lĩnh vực của công nghệ thông tin. Đó là cơ sở đáng tin cậy để ta xác định các đơn vị đó là thuật ngữ.  **Bài tập 2**  - Ngụ ngôn: thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lí, kinh nghiệm sống.  - Triết học: khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới.  - Văn hóa: tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử,  - Internet: hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.  **Bài tập 3:**  - Những từ in đậm trong các câu sau là thuật ngữ:  + Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là điệp khúc.  + Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn năng lượng.  + Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ.  => Sở dĩ ta xác định được như vậy là dựa vào các câu có sử dụng những từ đó. Đó là những câu có tính chất định nghĩa, thuộc về một lĩnh vực nhất định. Trong câu, các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ chỉ có một nghĩa, thuộc về chuyên môn.  - Những từ in đậm trong các câu sau là từ ngữ thông thường:  + Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc.  + Đọc sách là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần.  + Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc.  => Trong các câu trên, các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ đều được dùng theo nghĩa chuyển. Ví dụ: “Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc.” thì bản đồ được hiểu là sự tìm kiếm hướng đi của cuộc đời. Các từ điệp khúc, năng lượng ở hai câu còn lại cũng có tính chất như vậy. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Tìm thêm một số thuật ngữ thuộc lĩnh vực văn học và giải thích ý nghĩa*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn |  |

**IV. Phụ lục**

**TIẾT 108,109: NÓI VỚI CON**

**- Y Phương-**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được tình cảm gia đình ấm cúng, truyền thống, niềm tự hào về quê hương, dân tộc mình.

- Hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Biết cảm thụ nội dung trữ tình, nghệ thuật biểu đạt và đối sánh để thấy các yếu tố của VB, phương thức thể hiện, cấu trúc, ngôn ngữ có sự khác biệt như thế nào so với các VB nghị luận đã học. Nhờ sự đối sánh đó, HS nhận thức được rõ hơn đặc điểm của VB nghị luận.

**3. Phẩm chất:**

- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh, giấy, màu, băng keo, keo, kéo...

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *-* GV chuyển giao nhiệm vụ:  + *GV bật cho HS nghe đoạn đầu bài hát “Nhật kí của mẹ” để HS bắt vào nhịp cảm xúc của bài học.*  *+* *GV đặt một số câu hỏi để tạo tình huống, khơi gợi suy nghĩ, cảm xúc của HS giúp HS kết nối những trải nghiệm của bản thân với nội dung trữ tình trong bài thơ: Em đã được nghe những lời căn dặn như thế nào của những người thân yêu trong gia đình? Trong những lời căn dặn đó, những người thân hi vọng gì ở em? Có bao giờ trở thành một chủ đề trong câu chuyện của gia đình em? Em hãy nhớ lại những bài thơ viết về tình cảm cha con, mẹ con hoặc đọc thêm.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trao đổi  - Gv quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức GV dẫn dắt: | - HS lắng nghe, suy nghĩ và trả lời |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**

- Biết cách đọc văn bản và nhận biết thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn cách đọc*  *+ Trình bày vài thông tin về tác giả, tác phẩm*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc diễn cảm  **2. Tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Y Phương (sinh năm 1948) tên thật là Hứa Vĩnh Sước  - Quê quán: Trùng Khánh - Cao Bằng , ông là người dân tộc Tày. Năm 2007 ông được nhận giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.  - Tác phẩm chính: “Người hoa núi”, “Lời chúc”, “Đàn then”…  - Phong cách nghệ thuật: Thơ ông thể hiện tâm hồn mạnh mẽ, chân thực và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người dân tộc miền núi, mang đậm bản sắc vùng cao  **b. Tác phẩm**  - Thể loại: thơ tự do  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm  - Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi đất nước mới hòa bình thống nhất nhưng gặp rất nhiều khó khăn thiếu thốn. Từ hiện thực ấy nhà thơ sáng tác bài thơ như lời tâm sự, động viên chính mình đồng thời nhắc nhở con cái sau này.  - Xuất xứ: In trong tập Thơ Việt Nam 1945 – 1985.  - Bố cục: 2 phần  + Đoạn 1: Người cha nói với con về tình cảm cội nguồn  + Đoạn 2: Người cha nói về truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con sẽ kế tục những truyền thống đáng quý. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được tình cảm gia đình ấm cúng, truyền thống, niềm tự hào về quê hương, dân tộc mình.

- Hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi

- Biết cảm thụ nội dung trữ tình, nghệ thuật biểu đạt và đối sánh để thấy các yếu tố của VB, phương thức thể hiện, cấu trúc, ngôn ngữ có sự khác biệt như thế nào so với các VB nghị luận đã học. Nhờ sự đối sánh đó, HS nhận thức được rõ hơn đặc điểm của VB nghị luận.

- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn hs tìm hiểu câu hỏi 1,2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Gv sử dụng phương pháp đàm thoại để học sinh tìm hiểu câu hỏi số 1: Nói với con thể hiện tình cảm của người cha đối với con, nhưng qua đó, nhà thơ còn hướng tới những đối tượng nào khác?*  *+ Gv sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để học sinh tìm hiểu câu hỏi số 2: Qua những lời tâm tình, căn dặn, người cha muốn nói với con về những điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Hướng dẫn hs tìm hiểu câu 3,4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Người cha đã nhìn nhận như thế nào về mối quan hệ giữa “con” với gia đình, quê hương, sứ xở? Những mối quan hệ ấy có ý nghĩa gì đối với sự trưởng thành của “con”?*  *+ Vẻ đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt, bền bỉ của “người đồng mình” được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Nói về “người đồng mình”, người cha muốn nhắn gửi con điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS báo cáo, hs khác lắng nghe, phản biện  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Hướng dẫn hs tìm hiểu câu hỏi 5**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  GV tổ chức thảo luận nhóm đôi để hoàn thành PHT số 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **NGHỆ THUẬT CỦA BÀI THƠ NÓI VỚI CON** | | | | **Yếu tố nghệ thuật** | **Các dòng thơ thể hiện** | **Giá trị biểu đạt** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **Câu 1:**  - Thơ là tiếng nói bộc lộ tình cảm, đồng thời là một hình thức giao tiếp nghệ thuật. Nói với con, đương nhiên chủ thể của lời nói là “cha” và đối tượng tâm tình trước hết là “con”. Nhưng là một tác phẩm nghệ thuật, bài thơ còn là lời trò chuyện với người đọc rộng rãi - những người có thể đồng cảm sâu sắc với chủ thể trữ tình về những vấn đề được nói tới.  **Câu 2**  Qua lời căn dặn, tâm tình, cha muốn con khắc ghi:  *- Luôn nhớ về tình cảm của cha mẹ, của gia đình mình.*  *- Luôn yêu mến, tự hào về quê hương, xứ sở.*  *- Luôn ý thức được những phẩm chất cao quý của “người đồng mình”(những con người của quê hương)*  *- Sống có cốt cách để xứng đáng là người con của quê hương.*  **Câu 3:**  - Mối quan hệ giữa “con” với gia đình là quan hệ hết sức tự nhiên, sâu sắc. Con được cha mẹ sinh ra, nuôi dưỡng, bao bọc. Bước đi chập chững, tiếng nói đầu đời của con đem đến cho cha mẹ niềm vui, hạnh phúc *(Một bước chạm tiếng nói/ Hai bước tới tiếng cười).* Trên từng bước trưởng thành của con, đều có sự bảo ba và ánh mắt dõi theo đầy hi vọng của cha mẹ *(Lên đường/ Không bao giờ nhỏ bé được/ Nghe con)*.  - Mối quan hệ giữa “con” với quê hương. Quê hương không chỉ là nơi con được sinh ra, lớn lên, mà còn là nơi hun đúc, nuôi dưỡng nghị lực sống và tâm hồn con (*Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát/ Rừng cho hoa/ Con đường cho những tấm lòng; Còn quê hương thì làm phong tục).* Đặc biệt, nói đến quê hương là nói đến những con người xứng đáng là mẫu hình về mọi mặt cho con noi theo để trưởng thành.  **Câu 4:**  Qua những lời tâm tình với con, người cha (chủ thể trữ tình) muốn con thấu hiểu những vẻ đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt, bền bỉ của “người đồng mình”. Vẻ đẹp đó thể hiện ở các khía cạnh sau;  - Những con người đáng yêu vì nét tài hoa, lãng mạn và đời sống tâm hồn phong phú (Người đồng mình yêu lắm con ơi/ Đan lờ cài nan hoa/ Vách nhà ken câu hát)  - Những con người có ý chí, nghị lực sống mãnh liệt (*Người đồng mình thương lắm con ơi!/ Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn*)  - Những con người chân chất, giản dị, nhưng có cốt cách cao quý (*Người đồng mình thô sơ da thịt/ Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*).  - Những con người chịu thương chịu khó, sống gắn bó và hết lòng xây đắp quê hương (*Sống trên đá không chê đá gấp ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói/Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc; Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*)  - Điều nhắn gửi của “cha”: Trong những chuyến *“lên đường”* của con, người cha muốn con phải thấu hiểu, yêu thương và tự hào về *“người đồng mình”* sống có cốt cách cao đẹp, xứng đang là người con của quê hương, xứ sở.  **Câu 5:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **NGHỆ THUẬT CỦA BÀI THƠ NÓI VỚI CON** | | | | **Yếu tố nghệ thuật** | **Các dòng thơ thể hiện** | **Giá trị biểu đạt** | | - Dùng các kiểu câu có cấu trúc giống nhau | *+ Chân phải bước tới cha*  *Chân trái bước tới mẹ*  *+ Người đồng mình yêu lắm con ơi*  *Người đồng mình thương lắm con ơi*  *+ Cao đo nỗi buồn*  *Xa nuôi chí lớn*  *+ Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*  *Sống trong thung không chê thung nghèo đói* | Tạo nên lối nói riêng, nhấn mạnh cảm xúc của chủ thể trữ tình và đặc điểm của đối tượng được tái hiện | | Cách nói cụ thể, hình tượng | *+ Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười*  *+ Đan lờ cài nan hoa*  *Vách nhà ken câu hát*  *+ Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương* | Thể hiện những cảm xúc, suy nghĩ sinh động, cụ thể, giàu tính trực quan. | | Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị | *+ Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*  *+ Người đồng mình thô sơ da thịt*  *+ Con ơi tuy thô sơ da thịt* | Thể hiện tình cảm chất phác, chân thực | | ... |  |  | |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hãy tóm tắt nội dung của văn bản?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống, niềm tự hào về quê hương, dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc đến tình cảm đẹp đẽ với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.  **2. Nghệ thuật**  - Bài thơ được làm theo thể thơ tự do phóng khoáng  - Giọng điệu thơ khi trìu mến, thiết tha, khi sôi nổi mạnh mẽ  - Nhịp điệu lúc nhẹ nhàng bay bổng khi khúc chiết, rành rọt, lúc mạnh mẽ âm vang  - Ngôn ngữ thơ cụ thể, hàm súc, nhiều ý nghĩa, hình ảnh thơ độc đáo sinh động mang đậm bản sắc thơ ca miền núi. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“Ngôi sao may mắn”* để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  | **T** | **I** | **Ế** | **N** | **G** | **C** | **Ư** | **Ờ** | **I** |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  | **D** | **Â** | **N** | **T** | **Ộ** | **C** | **T** | **À** | **Y** |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  | **G** | **I** | **A** | **Đ** | **Ì** | **N** | **H** |  |  |
| **4** |  |  |  | **S** | **O** | **S** | **Á** | **N** | **H** |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Q** | **U** | **Ê** | **H** | **Ư** | **Ơ** | **N** | **G** |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** |  |  |  |  | **B** | **I** | **Ể** | **U** | **C** | **Ả** | **M** |  |  |  |  |
| **7** |  |  | **N** | **Ỗ** | **I** | **B** | **U** | **Ồ** | **N** |  |  |  |  |  |  |
| **8** |  |  | **Y** | **P** | **H** | **Ư** | **Ơ** | **N** | **G** |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi “Ô chữ bí mật” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*  *Hàng ngang 1: Điền từ còn thiếu vào câu thơ: “Một bước chạm tiếng nói/ Hai bước chạm...”*  *Hàng ngang 2: Tác giả bài Nói với con là người dân tộc nào?*  *Hàng ngang 3: Hai câu thơ: “Chân phải bước tới cha/ Chân trái bước tới mẹ” gợi nhắc đến tình cảm thiêng liêng nào?*  *Hàng ngang 4: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Sống như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc”*  *Hàng ngang 5: Điền từ còn thiếu vào câu thơ:*  *“Người đồng mình tự đục đá kê cao...*  *Còn...thì làm phong tục”*  *Hàng ngang 6: Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là gì?*  *Hàng ngang 7: Điền từ còn thiếu vào câu thơ:*  *“Người đồng mình thương lắm con ơi*  *Cao đo...*  *Xa nuôi chí lớn”*  *Hàng ngang 8: Tên tác giả bài thơ Nói với con.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv suy nghĩ  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Từ khóa: CỘI NGUỒN**  Qua bài thơ Nói với con, ta thấy rằng gia đình, quê hương chính là cội nguồn, là nơi sinh ra, nuôi dưỡng và hun đúc cho ta bản lĩnh, ý chí, nghị lực, tâm hồn cho ta. Đây cũng chính là những yếu tố giúp ta trưởng thành |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Viết một đoạn văn khoảng 150 chữ chia sẻ ấn tượng của em về câu/ đoạn thơ trong bài Nói với con*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | *Hs tự viết* |

**IV. Phụ lục**

**TIẾT 110,11,112: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**TRONG ĐỜI SỐNG (TRÌNH BÀY Ý KIẾN PHẢN ĐỐI)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết yêu cầu, đặc điểm kiểu bài viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- HS trình bày được thực chất của vấn đề đời sống cần bàn luận trong bài viết

- HS thể hiện được ý kiến phản đối về vấn đề một cách thuyết phục với lí lẽ chắc chắn và bằng chứng cụ thể.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh, giấy, màu, băng keo, keo, kéo...

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Vấn đề/ quan niệm** | **Đồng ý** | **Không đồng ý** |
| 1 | Quan niệm trong việc dạy con cái: “Thương cho roi cho vọt” |  | **x** |
| 2 | Là con cái, chỉ cần học giỏi là đủ |  | **x** |
| 3 | Bản thân mình chỉ cần sống thật tốt, giúp đỡ người khác không phải phận sự của mình |  | **x** |
| 4 | Lá lành đùm lá rách | **x** |  |
| 5 | Chỉ cần học môn chính, môn phụ không cần học |  | **x** |
| 6 | Đội nón khi tham gia giao thông | **x** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv phát PHT, học sinh đánh dấu x vào ô đồng ý hoặc không đồng ý ở mỗi vấn đề/ quan điểm*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung  *GV dẫn dắt vài bài: Trong đời sống hàng ngày, chúng ta thấy có rất nhiều quan điểm có phần “lệch chuẩn”. Vậy làm thế nào để có thể viết một bài phản đối những quan niệm như vậy? Câu trả lời sẽ nằm ở tiết học hôm nay.* | Hs trả lời |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết yêu cầu kiểu bài viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Em hãy cho biết khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối) cần phải đảm bảo những yêu cầu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **I. Yêu cầu đối với kiểu bài**  - Nêu được vấn đề, làm rõ thực chất của vấn đề.  - Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác.  - Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ ý kiến phản đối là hoàn toàn có cơ sở. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

- Hs phân tích bài viết tham khảo

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Gv phát PHT số 2 để hướng dẫn học sinh phân tích bài viết tham khảo. Hs thảo luận nhóm đôi*   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | *Bài viết nêu vấn đề gì để bàn luận? Vấn đề được nêu nằm ở phần nào của bài?* |  | | *Người viết thể hiện thái độ gì đối với quan điểm về vấn đề đời sống được nêu?* |  | | *Những lí lẽ và bằng chứng nào được nêu ra để chứng tỏ sự phản đối là có căn cứ?* |  | | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  - Bài viết đề cập đến quan điểm mà một HS nêu ra: chỉ làm việc lớn, không thích làm việc nhỏ, vì việc nhỏ là việc vô nghĩa. Từ đó nảy sinh ý kiến cần bàn luận. Quan điểm này được nêu ở phần Mở bài.  - Người viết bày tỏ ý kiến phản đối quan điểm nêu trên của một HS *(Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó chấp nhận)*  - Ai cũng phải làm những việc lớn của đời mình, cho nên không vì phải giải quyết việc lớn mà trốn tránh những việc nhỏ thuộc trách nhiệm của bản thân; nếu mình không làm thì đùn đẩy việc nhỏ cho ai?; việc nhỏ không đồng nghĩa với việc vô nghĩa, có những việc tuy nhỏ mà ý nghĩa rất lớn lao;... Bằng chứng cụ thể: Ông Ni-nô-mi-gia, một doanh nhân người Nhật, đã đến Hồ Gươm nhặt rác vào mỗi sáng Chủ nhật. Việc làm đầy ý nghĩa của ông đã có sức lan toả rất lớn, tác động đến nhận thức của nhiều người. |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:**

- HS trình bày được thực chất của vấn đề đời sống cần bàn luận trong bài viết

- HS thể hiện được ý kiến phản đối về vấn đề một cách thuyết phục với lí lẽ chắc chắn và bằng chứng cụ thể.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Chuẩn bị trước khi viết.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  + Hs dựa vào sgk để xác định mục đích viết và người đọc  *+ Gv hướng dẫn học sinh lựa chọn đề tài, ngoài những đề tài mà sgk gợi ý, giáo viên gợi mở để học sinh xác định các đề tài khác: Trong đời sống hằng ngày, em từng phản đối những quan niệm, ý kiến gì? Em hiểu như thế nào về quan niệm, ý kiến đó? Quan niệm, ý kiến về vấn đề đó có ảnh hưởng đến cuộc sống của những ai? Có cần thiết phải bày tỏ sự phản đối không? Nếu cần viết một bài nghị luận trình bày ý kiến phản đối, em thấy có những thuận lợi và khó khăn gì?*  *+ Gv hướng dẫn học sinh tìm ý theo PHT sViê, lập dàn ý theo PHT số 4*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Hướng dẫn học sinh viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát bảng kiểm*  *+ Học sinh viết bài theo một số lưu ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Chỉnh sửa**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Hs đối chiếu bài viết với với yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối) và dàn ý để tự đánh giá mức độ đáp ứng của bài viết, từ đó chỉnh sửa theo gợi ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  - Mục đích viết: Phản đối quan niệm, cách hiểu không đúng về một vấn đề, nhằm góp phần tạo nên một sự thay đổi tích cực trong đời sống  - Người đọc: Thầy cô, bạn bè và những ai quan tâm đến vấn đề  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  - Hs có thể tham khảo một số đề tài  + Vệ sinh trường học là trách nhiệm của người lao công đã được nhà trường trả lương  + Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích  + Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó  - Ngoài ra, có thể tự đề xuất đề tài phù hợp với bản thân  **b. Tìm ý (PHT số 3)**  **c. Lập dàn ý (PHT số 4)**  **2. Viết bài**  Hs lưu ý:  - *Thứ nhất*, cần bám sát dàn ý để viết. Mở bài, mỗi ý của Thân bài và phần Kết bài đều phải triển khai thành từng đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, có thể đảo ý nào đó so với dàn ý nếu thấy cần thiết. Cẩn dùng từ ngữ liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài để đảm bảo tính chặt chẽ, mạch lạc của bài viết.  *- Thứ hai,* Mở bài: Nêu được vấn đề cần nghị luận; Thân bài: Các ý chính cần được trình bày rành mạch, mỗi ý được triển khai trong một đoạn văn riêng, rõ ràng, mạch lạc, bằng chứng cụ thể, thuyết phục. Khi viết, cần chú ý mạch văn trôi chảy, kết nối các câu trong đoạn và các đoạn trong bài chặt chẽ, hợp lí, tránh rườm rà; Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của việc bàn luận, giúp người đọc suy nghĩ đúng vấn đề để có sự thay đổi tích cực trong nhận thức và hành động.  - *Thứ ba*, nên chọn giọng văn phù hợp với yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối). Lời văn mạnh mẽ, dứt khoát, nhưng có lí, có tình; tránh lối viết gay gắt, gây cảm giác căng thẳng.  **3. Chỉnh sửa**  Rà soát, tự chỉnh sửa   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** | | Nêu cụ thể vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối | Chỉnh sửa nếu thấy vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối còn mơ hồ. | | Trình bày rõ sự phản đối của người viết về ý kiến vừa nêu | Diễn đạt cho rõ nếu thấy sự phản đối chưa được thể hiện rõ ràng. | | Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để việc phản đối ý kiến có sức thuyết phục | Củng cố lí lẽ nếu thấy chưa vững chắc, bổ sung bằng chứng nếu còn thiếu. | | Nêu được ý nghĩa của việc phản đối ý kiến trái ngược về vấn đề | Bổ sung nếu thấy chưa nêu được ý nghĩa và nêu chưa rõ. | | Rà soát lỗi về từ ngữ, câu, đoạn văn, liên kết các câu và các đoạn, cách trình bày bài viết | Sửa những lỗi phát hiện được. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Về nhà hoàn thiện bài viết*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - HS trình bày sản phẩm  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Hs viết theo hướng dẫn |

**IV. Phụ lục**

**PHT số 3**

Phiếu tìm ý

Họ và tên:…………………………

Lớp:…………………………Lớ.

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

Gợi ý: HS suy nghĩ kĩ để chọn các thông tin phù hợp điền vào các ô trong bảng.

|  |  |
| --- | --- |
| Quan niệm về vấn đề đời sống được nêu để bàn luận |  |
| Ý kiến phản đối của bản thân về quan niệm đó |  |
| Những lí lẽ đưa ra để chứng tỏ sự phản đối có cơ sở |  |
| Những bằng chứng cần nêu để củng cố cho lí lẽ |  |

**PHT số 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Nhiệm vụ** | **Biểu hiện cụ thể** |
| Mở bài | Nêu được vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn về vấn đề |  |
| Thân bài | Trình bày được thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận |  |
| Phản đối các khía cạnh khác của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng) |  |
| Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng) |  |
| Kết bài | Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối |  |

**TIẾT 113: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

Kiến thức về kiểu bài trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

-  Trong tư cách người nói, HS nêu được vấn đề đời sống và trình bày ý kiến về vấn đề một cách có cơ sở (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể), giải thích, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện quan điểm của mình về vấn đề đời sống được bàn luận, biết đối thoại với ý kiến người trình bày, tán thành với ý kiến đó nếu thấy đủ sức thuyết phục.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh, giấy, màu, băng keo, keo, kéo...

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Trong giao tiếp, em thường bày tỏ thái độ đồng tình hay phản đối ý kiến của người khác. Đã bao giờ ý kiến của em đưa ra bị phủ nhận chưa? Khi đó em có cảm xúc, suy nghĩ gì*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung: *Trong giao tiếp, chúng ta có thể tán thành hoặc phản đối một vấn đề nào đó. Vậy làm thế nào để trình bày được những ý kiến đồng tình hoặc phản đối một cách thuyết phục? Chúng ta sẽ đi vào tiết Nói và nghe* | Hs chia sẻ |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được kiểu bài trao đổi một vấn đề mà em quan tâm (yêu cầu kiểu bài, mục đích...)

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh xác định mục đích nói và người nghe và phần chuẩn bị nội dung nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV lưu ý HS về sự cần thiết của việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe.*  *+ GV đặt câu hỏi thảo luận: Khi tham gia thuyết trình về một vấn đề xã hội, điều chúng ta cần hướng đến là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến?*  *+ Hs chuẩn bị nội dung nói*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung  **NV2: Hướng dẫn học sinh Tập luyện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Các nhóm luyện nói theo các chủ đề đã xác định, thống nhất nội dung (thời gian:7 phút)* *GV hướng dẫn HS luân phiên cả hai tư cách: người nói và người nghe để phát triển kĩ năng nói và nghe hài hoà.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **1. Trước khi nói**  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  - Mục đích nói: trình bày để người nghe hiểu đúng bản chất, thấy được ý nghĩa của vấn để đối với đời sống, từ đó lựa chọn thái độ, cách ứng xử phù hợp.  - Người nghe: Khi bài nói được trình bày trong giờ học, người nghe là HS trong lớp và GV. Với tình huống khác, người nghe có thể là các bạn trong lớp, trong trường và những ai quan tâm đến vấn đề  **b. Chuẩn nội dung nói**  - Từ đề tài đã chọn, người nói xây dựng dàn ý chi tiết, gồm đầy đủ các phần, ghi chú cách trình bày từng phần, các ý cụ thể, những lí lẽ và bằng chứng cần sử dụng,  - Nếu phần Nói thực hiện trên một bài viết đã có, GV hướng dẫn HS rút gọn bài viết thành dàn ý bài nói. Chú ý: Cách mở đầu bài nói có những điểm khác với bài viết. Phần triển khai, các ý cần rõ ràng, có ghi chú các số liệu, bằng chứng cụ thể để tiện sử dụng khi trình bày.  - Lựa chọn từ ngữ: Căn cứ vào để tài và nội dung nói, ghi lại một số từ ngữ cần sử dụng, nhất là những từ ngữ thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến, chẳng hạn: theo quan điểm của tôi, cần phải thấy được rằng, có thể khẳng định, chắc chắn là, không thể quan niệm rằng, điều khó chấp nhận ở đây là,...  **c. Tập luyện**  - Khi ở vị trí người nói, chú ý tập luyện cách trình bày, cách bảo vệ ý kiến của mình; ở vị trí người nghe, cần biết cách theo dõi, có thể phản bác hay nêu thắc mắc nếu thấy lí lẽ của người nói chưa chắc chắn, bằng chứng chưa phù hợp.  - Sau tập luyện, phải trao đổi nhóm để rút kinh nghiệm về nội dung và cách trình bày, kinh nghiệm về sự tương tác nói – nghe. |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:**

-  Trong tư cách người nói, HS nêu được vấn đề đời sống và trình bày ý kiến về vấn đề một cách có cơ sở (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể), giải thích, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện quan điểm của mình về vấn đề đời sống được bàn luận, biết đối thoại với ý kiến người trình bày, tán thành với ý kiến đó nếu thấy đủ sức thuyết phục.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói.*  *+ Gv quan sát hoạt động thảo luận của HS, kịp thời đưa ra những gợi dẫn và định hướng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **II. Trình bày bài nói** |
| **.**   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | **a. Trình bày ý kiến về vấn đề**  - Nêu vấn đề, nói rõ tầm quan trọng của vấn đề trong đời sống xã hội.  - Trình bày các khía cạnh để làm rõ thực chất vấn đege.  - Nêu ý kiến của bản thân về vấn đề. | **a. Tiếp nhận và suy nghĩ ý kiến của người nói**  - Tập trung lắng nghe và ghi chép các ý cơ bản của bài nói, đối chiếu với sự chaunar bị của mình để thấy những chỗ tương đồng và khác biệt trong ý kiến.  - Ghi nhanh ý kiến trao đổi. | | **b. Bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe**  - Tóm tắt ý kiến trao đổi, giải thích lại những chỗ người nghe chưa hiểu, dùng lí lẽ và bằng chứng làm rõ tính đúng đắn của ý kiến trình bày.  - Sẵn sàng trao đổi nếu người nghe tiếp tục thắc mắc, mục đích cuối cùng là để khẳng định sự xác đáng của ý kiến. | **b. Nêu ý kiến trao đổi**  - Ý kiến cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng bằng câu khẳng định hoặc câu hỏi.  - Theo dõi phản hồi của người nói, trao đổi lại nếu thấy chưa thỏa đáng, đồng tình nếu thấy ý kiến bảo vệ có sức thuyết phục. |   **.** | |

**Hoạt động 3: Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Sau khi người nói hoàn thành phần trình bày, GV tổ chức cho HS trao đổi. Việc trao đổi tập trung vào ba khía cạnh: *nội dung bài nói, cách thức trình bày, sự tương tác giữa người nói với người nghe.* GV định hướng trao đổi bằng một số câu hỏi: *Người nói đã nêu lên và bàn luận về một vấn đề đời sống chưa? Ý kiến của người nói về vấn đề đã rõ ràng chưa? Bài nói đã thể hiện rõ sự tán thành hay phản đối chưa? Có nêu được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối có cơ sở không? Ngôn ngữ nói được sử dụng như thế nào? Đã biết phối hợp giữa lời nói và ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, nét mặt, cử chỉ,...) chưa? Mức độ tương tác giữa người nói và người nghe thế nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **3. Trao đổi về bài nói**  Hs trao đổi |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Thực hành luyện nói và quay lại video gửi cho GV*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs báo cáo  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | Hs luyện nói và quay video |